

## KIẾU TÁC GIA NGUYỄN DU VÀ HÀNH TRÌNH KHẮC KHOẢI ĐI TÌM MÌNH

LÊ THU YẾN\*

### TÓM TẮT

Bài viết nhằm khẳng định Nguyễn Du như là một kiểu tác gia có con đường đi riêng, và trên con đường đó ông thể hiện bản chất con người riêng của mình. Trong ông có sự giằng xé soi xét nhiều góc cạnh của cuộc đời nhưng cuộc đời chưa bao giờ vỡ ra để cho ông có thể lí giải, soi rõ ngọn ngành. Cuộc đời cứ như một lối đi quanh co không lối thoát như đùa giỡn, trêu ngươi ông. Nguyễn Du luôn suy tư, nghiền ngẫm, tự dần vặt mình để nghiệm ra hoặc giải thích một điều gì đó. Thơ ông là một cuộc tìm mình vất vả, khắc khoải.

**Từ khóa:** kiểu tác gia, Nguyễn Du.

### ABSTRACT

*The kind of author Nguyen Du was and the anxious journey to find himself*

The article confirms Nguyen Du as a kind of author with his own way, and on his way, he demonstrated his own human nature. Inside him, there was a struggle under different angles of life, but life has never allowed him to explain and clarify the details. Life was like a winding path without escape, teasing him. Nguyen Du always mediated, pondered, and tormented himself to contemplate or explain something. His poems demonstrate a journey to find himself.

**Keywords:** kind of author, Nguyen Du.

Nhà thơ Chế Lan Viên có bài thơ viết về Nguyễn Du:

*Trong trăm trứng Âu Cơ anh trứng  
lép*

*Mẹ xót thương nên đã ủ hết lòng  
Chung một chất chia đều cho nhân  
loại*

*Anh nở ra thành một thi nhân  
Hay là một tình nhân thì cũng thế  
Gắng trả cho đời hơn cả số đời cho  
Mẹ sẽ giàu thêm nhờ những mùa út  
lép*

*Và đó là điều kì diệu của hồn thơ.  
(Gửi Nguyễn Du)*

Gọi Nguyễn Du là trứng lép, có lẽ

Chế Lan Viên hình dung một Nguyễn Du gầy gò, ốm yếu, nhiều bệnh... mà thơ chữ Hán đã thể hiện. Nguyễn Du là thi nhân, điều này không ai chối cãi. Nguyễn Du là tình nhân thì sao? Tình nhân của ai? Của người dân nước Việt, của nhân loại? Có quá đáng không khi nói như thế? Nhưng rõ ràng Nguyễn Du đã “trả cho đời hơn cả số đời cho”, và nhờ thế Mẹ đã giàu thêm mà lại giàu thêm ở những mùa út lép – gầy guộc, mỏng manh – nhưng lại cực kì quý giá. Hơn ai hết, góc nhìn bằng thơ của nhà thơ họ Chế bắt khá trúng vào cái điều kì diệu ấy. Nguyễn Du không phải là con người chủ động hành

\* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: yenthuth@yahoo.com

động như Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu..., cũng không phải là những nhà hiền triết như các thiền sư thời Lý - Trần, Nguyễn Bình Khiêm..., cũng không phải là nhà chính trị như các chính khách Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Trần Thái Tông..., cũng không phải là các nhà nho ẩn sĩ như Trần Quang Triều, Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Khuyến... Nguyễn Du đi con đường của mình, gắng trả cho đời theo cách riêng của mình và cũng chính nhờ đó mà văn học nước nhà đa sắc màu hơn. Nguyễn Du đã bằng con đường riêng của mình không trùng lặp với bất cứ một ai trong một thế giới đầy rẫy những thương đau, uất hận, một thế giới vụ lợi, bon chen, chém giết, tranh giành... Ông nghĩ nhiều hơn sống, ông thiết tha với cuộc đời mà cuộc đời lắm đau thương, oán giận. Trong ông có sự giằng xé soi xét nhiều góc cạnh của cuộc đời nhưng cuộc đời chưa bao giờ vỡ ra để cho ông có thể lí giải, soi rõ ngọn ngành. Cuộc đời cứ như một lối đi quanh co dài ngoẵng, dài ngoẵng không lối thoát như đùa giỡn, trêu ngươi ông. Nguyễn Trãi cũng rất dứt khoát trên con đường đi của mình. Cao Bá Quát chí ít cũng đã làm một cuộc cách mạng để đổi đời dù không thành công. Nguyễn Đình Chiểu không thể trực tiếp cầm gươm đánh giặc nhưng thơ ông kêu gọi mọi người ra trận... Còn Nguyễn Du thì luôn suy tư, nghiền ngẫm sự việc, tự dẫn vật mình để nghiệm ra hoặc giải thích một điều gì đó. Loáng thoáng trong thơ ông là một cuộc tìm mình vất vả khắc khoải. Ông chưa bao giờ quên mình là

nhà nho nhưng ông cũng đã mon men tìm đến Phật và Đạo và đường nào ông cũng thấy như có thể và rồi lại không thể. Đúng vậy, ông đã ước mình có thể thoát khỏi vòng trần tục (*Sơn thôn*), bình yên như vị sư già trong mây trắng (*Thương Ngô Trúc chi ca* - IV), ước mình có thể gọt tóc vào rừng để nghe tiếng thông reo lung chùng mây (*Tự thán* - II), ước mình có thể cười bè lên tiên như người đời xưa (*Hoàng Hà*)... Nhưng đó chỉ là mơ ước thôi, bước chân của ông vẫn cứ tồn tại giữa dòng đời, vẫn cứ bước đi giữa bao chông gai, thử thách, vẫn day dứt, vẫn âu lo, vẫn băn khoăn sống sao cho ra sống, sao cho ra một dáng người.

### 1. Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên

Nguyễn Du là một nhà nho, vì là một nhà nho nên ông phải khó nhọc ôm giữ chiếc nệm xanh - chỉ những nhà dòng dõ học Nho: *Thanh chiêm cựu vật khổ trần tích* (Có chiếc nệm xanh là vật cũ, khur khur giữ mãi) (*Khai song*)<sup>1</sup>, phải xông pha khắp nơi để đền ơn vua nợ nước. Thơ chữ Hán của ông đã nói lên điều đó:

*Thanh sam tẩu biến hồng trần lộ*

(Chiếc áo xanh đi khắp đường bụi hồng)

(*Đồng Lư lộ thượng dao kiến Sài Sơn*)

*Bạch đầu túc tích bạch sơn xuyên*

(Đầu bạc rồi mà dấu chân còn in khắp núi sông)

(*Hàm Đan túc sự*)

*Nghiêm hàn nhất lộ quá Sơn Đông*

(Giữa trời rét đậm vẫn trên đường qua Sơn Đông)

(*Đông A sơn lộ hành*)

*Vạn lí lợi danh khu bạch phát*

(Vì lợi danh tóc bạc còn phải xông pha nơi vạn dặm)

(Từ Châu đạo trung)

*Ba ba bạch phát hồng trần lộ*

(Đầu tóc bạc phơ trên đường bụi đỏ)

(Tổ sơn đạo trung)

Chiếc áo xanh đi khắp đường bụi hồng, dấu chân còn in khắp non sông là vì ông muốn trả nợ núi sông theo lí tưởng của người học nho. Là nhà nho nên mắt nhìn của ông vẫn tuân thủ theo những nguyên tắc, đạo lí mà ông đã học tập từ thuở thiếu thời. Ông nói với người lính thú lâu năm:

*Thập niên hứa quốc quân ân trọng*

(Mười năm dâng mình cho nước vì ân vua nặng)

(Đại tác cửu thủ tư quy - I)

*Thiên địa nhất thân trung dịch hiếu,*

*Phong trần vạn lý quốc vong gia.*

(Một thân trong trời đất lấy trung đôi hiếu,

Muôn dặm gió bụi vì nước quên nhà)

(Đại tác cửu thủ tư quy - II)

Và tâm thế của Nguyễn Du thời trai trẻ cũng đã là tâm thế của người tráng sĩ với hùng tâm tráng chí ngàn ngạt lửa trời:

*Tăng lãng trường kiếm ý thanh thiên*

(Kiếm dài ngạo nghễ hiên ngang như tựa trời xanh)

(Khất thực)

Cũng không hề kém phong độ của người anh hùng Từ Hải trong Truyện Kiều:

Giang hồ quen thú vẫy vùng

Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo

Nhiều người thường nói trong Truyện Kiều nếu Kim Trọng là người tình lí tưởng thì Từ Hải là người anh hùng lí tưởng, ấy là hai mặt bổ sung nhau trong con người Nguyễn Du. Ý kiến này có thể chấp nhận được bởi vì người anh hùng lí tưởng là ước mơ lớn trên con đường cung kiếm mà trong cuộc đời thực Nguyễn Du không thể thả sức tung hoành nên nó đã hóa thân vào hình tượng nhân vật sáng, đẹp được nhiều người yêu mến là Từ Hải.

Trong Thanh Hiên thi tập, hình ảnh thanh gươm yên ngựa vẫn là hình ảnh trở đi trở lại như một thứ hoài niệm một thời:

*Yêu gian trường kiếm quải thanh phong*

(Kiếm dài đeo lưng trước gió thu)

(Ký hữu)

*Đàn kiếm trường ca đối bạch vân*

(Gõ kiếm ca dài trước mây trắng)

(Ninh Công thành)

Đó là hướng đi của ông. Chúc quan Chánh thủ hiệu quân hùng hậu là bước tiền đề để ông nghĩ đến chuyện trở thành tráng sĩ. Tất nhiên hùng tâm ban đầu đã lui tàn dần theo tháng năm đầu bạc, sinh kế đè nặng lên đời người. Rồi cuộc đời cứ trôi qua chóng vánh như giấc mơ vừa mở mắt, như thoáng chốc, như mũi tên bay:

*Bách tuế vi nhân bi thuận tức*

(Cuộc đời trăm năm thương thay chỉ là chớp mắt)

(Mạn hứng)

*Thuần tức bách niên năng kỉ thì*

(Trăm năm như chớp mắt có là bao)

(Long Thành cầm giả ca)

*Phao trịch như thoa hoán bất hồi*

(Ngày tháng thoi đưa gọi không trở lại)

(*Thu chí*)

Nhìn thời gian trôi đi vun vút, thời gian của đời người, thời gian của đời cây cỏ... đều chỉ là khoảnh khắc, Nguyễn Du ngao ngán kinh sợ. Ông không thể không phân biệt một cách rạch ròi những cái đã qua, cái hiện đang và cái sẽ tới, không thể không sợ xuân qua, thu đến, đông lạnh, hè nóng cướp đi niềm vui tuổi trẻ của bao người. Cứ mỗi giai đoạn đi qua, Nguyễn Du vội vàng đúc kết, kiểm nghiệm. Tất nhiên đúc kết, kiểm nghiệm để thấy bước đi của thời gian chứ cũng không làm gì được nó, không thể làm cho mũi tên kia đi chậm lại hoặc dừng bước. Và càng kiểm nghiệm càng đúc kết thì càng thấy nó trôi nhanh hơn bao giờ hết. Người theo Phật, Đạo, cả Nho nữa có thể yên vị trước bước đi của thời gian: *Thân như điện ảnh hữu hoàn vô* (Thân như ánh chớp có rồi không) (*Thị đệ tử* - Sư Vạn Hạnh), hoặc *Thân như băng kiến hiện, / Mệnh tự chúc đương phong* (Thân như băng gặp nắng trời/ Mệnh như ngọn đuốc giữa gió) (*Khóa hư lục* - Trần Thái Tông)... Nguyễn Du cũng nói: *Thử tâm thường định bất ly Thiên* (Lòng này thường định không xa đạo Thiên) (*Đề Nhị Thanh động*), hay: *Hà như cập tảo học thần tiên?* (Chi bằng theo kịp đạo thần tiên) (*Mộ xuân mạn hứng*)..., nhưng ông không hề bằng lòng với những điều đó. Không phải là ông không ngộ được đạo, không thấu lẽ huyền vi của trời đất rằng: Hoa nở hoa rụng vẫn chỉ là mùa xuân đó (*Đốn tỉnh* - Tuệ Trung)

nhưng ông cứ day dứt với hình ảnh cánh hoa đào đỏ thắm tươi đẹp như tấm lụa, sáng sớm còn đùa giỡn với gió xuân đẹp, ai biết chiều tối đã yên vị chốn bùn lầy (*Hành lạc từ* - II). Thời gian thật là tàn nhẫn và đáng sợ. Ông càng đau xót hơn khi thấy đời người cũng qua nhanh như chớp, mới tuổi xanh đó đã thấy đầu bạc hiện đến với mình:

*Sinh vị thành danh thân dĩ suy*

(Sống chưa nên danh vọng gì người đã suy yếu)

(*Tự thán* - II)

*Niên thâm cánh giác lão tùy thân*

(Qua nhiều năm biết cái già đã đến với mình)

(*U cư* - II)

Mới trẻ trung xinh đẹp đó, thoáng chốc đã già nua phai tàn:

*Tương thức mỹ nhân khan bão tử,*

*Đông du hiệp thiếu tẫn thành ông.*

(Những cô gái xinh đẹp quen biết nay đã thành bà mẹ ẵm con.

Những bạn trẻ hào hiệp cùng chơi nhau nay đã thành ông cả rồi)

(*Thăng Long* - I)

Và điều quan trọng nhất vẫn là: *Tây song nhật lạc thiên tương mộ* (Mặt trời đang lặn ở cửa sổ phía tây, trời sắp tối) (*Hành lạc từ* - II). Mặt trời đang tắt dần, bóng tối sắp trùm lên, đời người đang ở trong trạng thái sắp tàn, sắp vãn, sắp kết thúc. Nguyễn Du sợ điều đó. Chẳng thế mà tiếng thơ của ông vang lên khúc hát của người đầu bạc. Chạm vào thơ chữ Hán Nguyễn Du cũng chính là chạm vào nỗi ám ảnh của sự tàn phai. Tóc bạc được Nguyễn Du nhắc đến 58 lần trong suốt tập thơ. Có quá nhiều chăng? Nguyễn

Trái cũng thường nhắc đến tóc bạc nhưng đó là thứ tóc của người thoát tục, bao thế sự thăng trầm chìm nổi đã gác qua một bên dành lòng cho một cõi thanh sạch: uống chè, đọc sách, dạo đàn, quét tuyết, thưởng mai... Đỗ Phủ cũng thường đùa với tóc bạc... Còn Nguyễn Du, ông đau đầu cùng tóc bạc, ưu tư vì tóc bạc. Đường như có một nỗi niềm chi đó in sâu trong lòng không thoát ra được, nó ẩn vào trong tóc làm cho tóc chóng bạc. Mà tóc đã bạc thì tuổi trẻ không còn, nhiệt huyết lắng xuống, hùng tâm thôi dâng tràn:

*Bạch phát hùng tâm không đốt ta*

(Tóc bạc rồi dù còn có hùng tâm cũng chỉ còn biết than thở)

(*Khai song*)

*Bạch phát tiêu ma bản sĩ khí*

(Tóc bạc làm tiêu ma chí khí của kẻ sĩ nghèo)

(*Tặng Thực Đình*)

Như vậy với Nguyễn Du hình ảnh chàng tuổi trẻ chí lớn không thành, kiếm cung lỡ bước, đàn sách dở dang... ngày lại qua ngày tóc trắng phủ trùm, chí khí tiêu tan, tráng sĩ đau xót ngẩng nhìn trời cao như muốn vẽ vào không trung một dấu hỏi to tướng. Kể cả những lúc ông mang trên vai trọng trách nặng nề, tóc bạc vẫn đeo bám, ám ảnh. Đường như ở ông, những điều ông mãi nghĩ, mãi lo, mãi day dứt đã đánh bật hết những cảm giác thư thái dễ chịu để dành chỗ cho cái sầu, cái thương, cái hận tràn lấp. Những nỗi uất hận không nói được thành lời, những mối thương cảm trải mãi không dứt, những niềm ưu tư dằn vặt không lúc nào nguôi. Đó là cái đau khổ của người

luôn tự vấn về mình, tự vấn về cuộc đời. Cả đời bôn ba xuôi ngược cuối cùng chỉ còn lại dấu chân của người đi trên cát, chỉ còn lại hình ảnh tóc trắng phất phơ giữa gió thu, giữa trời chiều (*Giang đầu tản bộ - I, Tổ Sơn đạo trung, Độ Long Vĩ giang...*). Hình ảnh “Bạch phát tiêu tiêu...” có gì đó làm người đọc xót xa. Tóc trắng nhưng con người không thư thái, không an nhiên tự tại như các nhà thơ khác. Một ông già chưa già lắm, một ông quan chưa hẳn là đạt quan, một con người luôn suy tư, luôn đau đời... tóc bạc trắng đi giữa trời chiều, giữa bụi cát, trước gió tây, bên con đường cỏ quả là đem lại cho người đọc một cảm giác chênh vênh khó tả. Nhà thơ của chúng ta đi giữa cuộc đời mà chông chênh, bơ vơ, lạc loài như thể đang đi giữa sa mạc mênh mông không bóng không hình. Mỗi bước chân đi càng thấy cái mong manh của kiếp đời, cái nghiệt ngã của số phận càng thắt chặt, càng trói buộc con người.

Trong đôi bài thơ, ông thường tự nhận là mình có tài:

*Tráng niên ngã diệc vi tài giả*

(Thuở trẻ ta cũng có tài ví như cây gỗ tốt)

(*Vĩnh Châu Liễu Tử Hậu cố trạch*)

Cũng có chút ngang tàng, muốn vẫy vùng cho phi chí:

*Hà đắc cuồng ca tự thiếu niên*

(Làm thế nào được hát ngông như thời niên thiếu)

(*Dạ tọa*)

*Tản phát cuồng ca tứ sở chi*

(Xóa tóc hát ngông đi khắp nơi)

(*Giang đầu tản bộ - I*)

Nhưng cái tài đó ông đã dùng vào

việc gì? Rất tiếc đường cung kiếm, chí tang bồng ông không có dịp cất bước, đường mây không thênh thang rộng mở để ông có thể thỏa sức tung hoành, nên nhà thơ chỉ còn biết buông mình theo nhịp bức bách của thời gian. Để rồi thấy nó cứ trôi đi trong vô định như ngọn cỏ bồng lia gốc lẫn lóc bên trời:

*Đoạn bồng nhất phiến tây phong cấp,*

*Tát cánh phiêu linh hà xứ quy.*

(Một nhánh cỏ bồng đứt gốc trước gió tây thổi gập,

Cuối cùng sẽ trôi giạt về đâu)

*(Tự thán - I)*

*Hành cước vô căn nhiệm chuyển bồng,*

*Giang Nam giang Bắc nhất nang không.*

(Như ngọn cỏ bồng không gốc rễ tha hồ cho gió chuyển dời,

Hết phía Nam sông đến phía Bắc sông với một chiếc túi rỗng không)

*(Mạn hứng - II)*

*Tiêu tiêu bồng mấn lão phong trần*

(Bơ phờ mái tóc rối như cỏ bồng già cùng gió thu)

*(Xuân tiêu lữ thứ)*

Hình ảnh ngọn cỏ bồng có gì đó liên quan chặt chẽ đến cuộc đời của Nguyễn Du. Cỏ bồng còn gọi là cỏ lông chông thường mọc trên đồi cát, khi gặp gió mạnh cỏ bồng đứt gốc và cứ theo gió mà lăn đi, gió đổi hướng cỏ bồng cũng trôi theo gió. Giống như cuộc đời Nguyễn Du, hình như ông không ở đâu được lâu, cả đời ông luôn xê dịch, chuyên đổi không ngừng, thời trẻ loạn lạc phải tránh về quê vợ, khi làm quan công cán

xuôi ngược cũng nhiều, có về quê nhưng cũng chẳng ở yên, lênh đênh trôi dạt, kéo lê kiếp sống mệt nhoài, biết đâu là bến bờ. Giống như ngọn cỏ bồng lia gốc lẫn lóc bên trời<sup>2</sup>...

## 2. Thiên tuế trường ưu vị tử tiền

Trước khi chết còn lo mãi chuyện nghìn năm. Nguyễn Du lo gì mà lo nhiều thế? Vẫn là một nhà nho sáng tác như các nhà thơ khác nhưng thơ ông đã cho thấy cái thần thái, khí sắc, vóc dáng của con người cá nhân với bao suy tư trăn trở dằn vặt trong bi kịch cuộc đời, trong mâu thuẫn giằng xé con tim. Thơ ông đã thực sự phát đi tín hiệu cho thấy sự ra đời của một con người thiết tha với cuộc sống, khao khát lấp đầy những khoảng trống cô đơn, mong ước san bằng mọi bất công trong cuộc sống. Vương Trí Nhàn có nói: “Nếu ở *Truyện Kiều* người ta mới thấy tầm lòng và tài năng thì tới thơ chữ Hán, người ta thấy được cả tầm vóc bản lĩnh Nguyễn Du”<sup>3</sup>... Thật vậy, thấp thoáng trong thơ chữ Hán đã thấy những vấn đề thuộc tầm nhân loại chứ không chỉ bình thường ở phạm vi cá nhân hay quốc gia, dân tộc. Nguyễn Du không chỉ lo cho người dân đói rách trong cảnh đời suy thối tệ, cảnh chết chóc trong chiến tranh, cảnh chém giết hãm hại nhau trong thù hận... mà còn chỉ ra những quy luật cuộc đời, những bi cảm mang tính triết lý, những câu hỏi lớn thuộc về đất trời, vũ trụ...

Trên đường đời đầy gió bụi, Nguyễn Du đã chứng kiến biết bao kiếp đời đau khổ trong đó có cả những sinh vật nhỏ bé: con chó vì tham tiền mà chết, con ngựa già bị ruồng bỏ, con bướm chết

trong sách, một cánh hoa rơi, một ngọn cỏ bị đốt cháy, bị dầy sạch... Con người luôn phải sống trong thấp thỏm lo đói, lo rét, lo sống, lo chết... số phận của họ hết sức mong manh. Rõ ràng tương lai đen tối đang chờ ông già mù hát rong (*Thái Bình mai ca giả*), mấy mẹ con người hành khất (*Sở kiến hành*), những người dân chạy loạn (*Trở bình hành*), những người lao động chân tay nghèo khổ (*Hà Nam đạo trung khốc thử*, *Phượng hoàng lộ thượng tảo hành*, *Ngẫu hứng - V...*). Tất cả họ đều là những người khốn khổ và bất cứ ở đâu, Trung Quốc hay ở nước Nam đều cùng tồn tại những bất công, phi lí. Nguyễn Du bày tỏ quan điểm của mình rằng: quần chúng lao động là những người vất vả nhất, đau khổ nhất, chịu thiệt thòi nhiều nhất. Như vậy, với cách nhìn trên, rõ ràng nhân dân cùng khổ đã có một chỗ đứng hết sức vững chắc trong lòng Nguyễn Du. Động đến nhân dân là động đến đường tơ sâu nặng ân tình, dù đó là nhân dân nước mình hay nước khác. Ông không thể bước đi một cách hững hờ như khách qua đường, không thể nghe một cách lạnh nhạt một câu chuyện thương tâm. Ông nghiêng xuống họ một cách chân thành bởi chính ông cũng đã từng trải qua đói rét, từng để cho người khác phải thương hại mình. Cái quý nhất là ông xem tất cả những người cùng khổ đều có nỗi bất hạnh giống nhau. Dù hiện tại ông là một ông quan cách biệt rất xa về hoàn cảnh đối với họ nhưng ông vẫn là người gần gũi nhất, thấu hiểu nhất thân phận của họ. “Khác nhau” mà “thương nhau” là thế: *Tương liên bất tại đồng* (Thương nhau không vì chỗ giống nhau)

(*Phượng hoàng lộ thượng tảo hành*)...

Đối với phụ nữ, Nguyễn Du hết sức trân trọng. Họ dù là hạng người nào: một bà phi, một cô hầu, một cô bé ngây thơ hay một kỹ nữ... ông đều thấy những nét đáng kính trọng ở họ. Ông vẽ lại họ chỉ bằng những nét chấm phá nhưng người đọc vẫn thấy sự chăm chút, quý mến. Cô Cẩm, người ca nữ đất La Thành, người hầu cũ của em trai, rồi nàng Tiểu Thanh, hai bà phi, Dương Quý Phi, Ngu Cơ và rất nhiều người phụ nữ không tên tuổi khác trong thơ chữ Hán đều được Nguyễn Du nâng niu vẽ đẹp, nét tài hoa và dĩ nhiên là cả nỗi bất hạnh của họ. Với cô Cẩm là niềm cảm thông sâu sắc, là nước mắt thấm áo, là mối tương liên hòa điệu:

*Nam hà quy lai đầu tạn bạch,*

*Quái để giai nhân nhan sắc suy.*

*Song nhãn trừng trừng không tương tượng,*

*Khả liên đối diện bất tương tri.*

(Tôi từ Nam hà trở về đầu bạc trắng hết,

Chẳng trách nhan sắc người đẹp phai tàn.

Đôi mắt mở trừng luống tưởng chuyện ngày xưa,

Thương thay giáp mặt mà chẳng nhận ra nhau)

(*Long Thành cầm giả ca*)

Chuyện hai mươi năm trước đã tạc vào quá khứ một hình ảnh đẹp: áo hồng và gương mặt hoa đào: *Hồng trang yếm ái đào hoa diện* (Áo hồng ánh lên mặt hoa đào) khiến cho người trong cuộc quá ngỡ ngàng, quá đau xót trước thực tại phũ phàng khi gặp lại hai mươi năm sau:

*Thương tâm vãng sự lệ triêm y (Đau lòng việc cũ nước mắt thấm áo) (Long Thành cầm giả ca)...*

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du cũng rất chăm chút yêu thương cô Kiều, tình yêu ấy mới thật da diết thấm sâu. Ông nâng niu Kiều, thương xót Kiều trong bước lưu li qua lời Kim Trọng và những người thân của nàng:

*Ngon bèo chân sóng lạc loài  
Nghĩ mình vinh hiển thương người  
lưu li  
...Bình bông còn chút xa xôi  
Đình chung sao nữ ăn ngồi cho  
đang  
...Thương ôi không hợp mà tan  
Một nhà vinh hiển riêng oan một  
nàng.*

Là ngon bèo, chân sóng, là bình bông xa xôi còn đang trôi dạt nơi phương trời cách trở, làm sao những người thân có thể an hưởng niềm vui vinh hiển mà bỏ mặc nàng. Bao nhiêu lời che chở, nâng đỡ, bênh vực Nguyễn Du dành hết cho Kiều:

*...Thôi còn chi nữa mà mong  
Đời người thôi thế là xong một đời  
...Tiếc thay trong giá trắng ngần  
Đến phong trần cũng phong trần  
như ai  
...Thân này thôi có ra gì mà mong  
...Thân này đã bỏ những ngày ra đi  
...Sống nhờ đất khách thác chôn  
quê người.*

Kiều cũng như Nguyễn Du, tấm thân bèo trôi sóng vỗ, hoa trôi nước chảy, chiếc lá bơ vơ...có nghĩa lí gì đâu khi đứng giữa phong ba bão táp, giữa mưa gió của cuộc đời. Rõ là: Lênh đênh đâu

nữa cũng là lênh đênh.

Những bậc hiền tài cũng là đối tượng mà Nguyễn Du quan tâm. Đi suốt dọc dài đất nước Trung Quốc, đọc hết sử sách, ông thấy những nhân vật trong lịch sử Trung Quốc là những tấm gương để ông luận bàn việc tốt xấu ở đời. Những Khuất Nguyên, Nhạc Phi, Đỗ Phủ, Văn Thiên Tường, Cù Các Bộ, Liễu Hạ Huệ, Lạn Tương Như, Liêm Pha, Dư Nhượng... là những người nổi tiếng, là những người mà Nguyễn Du mến mộ. Ông không chỉ thương cảm số phận bi đát của họ mà còn khâm phục họ là những bậc hiền tài và dẫu họ chết thế nào: hi sinh, bị hại, bị lưu đày... Đứng trước mộ người xưa, mấy nén hương tưởng niệm, lau chùi bia, chảy nước mắt... thậm chí xuống cả xe để tỏ lòng kính trọng. Với những người mắc nỗi oan lạ lùng như Khuất Nguyên, Nhạc Phi, Đỗ Phủ... ông tự xem mình cùng hội cùng thuyền, tự ngồi vào (*ngã tự cư*) con thuyền số mạng chòng chênh của những nhân vật sống cách ông hàng nghìn năm. Nguyễn Du đau đớn thay cho Khuất Nguyên, nuốt tùi thay Đỗ Phủ, ngậm hờn thay Nhạc Phi... Đó là những người tài một sớm một chiều bị số phận vùi dập. Họ sống giữa đời ôm tài nuốt tiếng, thân xác biến thành tro lạnh, tài hận mang theo. Nguyễn Du buồn, hận, đau, thét lên thay họ. Còn đối với kẻ xấu, kẻ ác, ông lớn tiếng phê phán, vạch mặt chỉ tên một cách cụ thể hoặc nêu rõ bản chất chung của cả một xã hội. Ông xem Yên Vương Đệ Minh Thành Tổ là tên vua đê tiện, gian ác (*Kì lân mộ*), khinh Tào Tháo “chia hương bán dếp”, xây 72 ngôi mộ



giả một cách uông phí (*Thất thập nhị nghi trủng*), cười Tô Tần nhân cách tầm thường, nhỏ nhen, ti tiện (*Tô Tần đình*), mắng Tần Cối, Vương Thị là những kẻ xấu xa, độc ác (*Tần Cối trượng, Vương Thị trượng*)... Đó là cách ông luận bàn, đánh giá, soi xét... về nhân cách sống, về lương tri, lương năng con người.

Tuy là phân định một cách rạch ròi người tốt, kẻ xấu như thế nhưng khi cố gắng giải thích thế giới này Nguyễn Du lại đi đến tổng kết: tất cả mọi người, người đẹp, người tài, người hiền, người ngu... rồi cuối cùng cũng chỉ còn lại một nắm đất mà thôi: *Cổ kim hiền ngu nhất khâu thổ* (Xưa nay, kẻ hiền người ngu cũng chỉ trở lại một nắm đất) (*Hành lạc từ - II*), để rồi nắm đất ấy theo năm tháng tiếp tục sụp lở, nghiêng đổ hoặc trở thành hang chuột, cáo. Cuộc sống trên trần thế chỉ là ngắn ngủi tạm bợ và điều đó thật phi lí. Kiếp người rốt cuộc chỉ còn lại gò, mộ. Cũng chính những suy nghĩ này mà chúng ta thấy trong thơ chữ Hán Nguyễn Du đầy dẫy hình ảnh mồ mả, tha ma, nghĩa địa... đến nỗi Thanh Lăng gọi Nguyễn Du là thi sĩ của mồ mả, tha ma và nghĩa địa<sup>4</sup>. Thống kê con số hình ảnh này xuất hiện trong thơ chữ Hán Nguyễn Du, đó là con số không nhỏ, 84 lần. Có thể nói Nguyễn Du là một trong những nhà thơ viết về mộ hay nhất, sâu nhất, xúc động nhất. Có phải chính trong Nguyễn Du cũng lẫn khuất những ý niệm về cái chết, về cõi vĩnh hằng mà bản thân ông luôn khao khát muốn khám phá, hiểu biết về nó. Trong thế giới của sự sống thì cái chết là một cái gì vô cùng bí ẩn, con người luôn thấy sợ hãi trước nó và muốn

hiểu biết về nó. Ai biết nghĩ đến cái chết chính là đang ý thức về cuộc sống của mình. Nguyễn Du có phải hơn ai hết ý thức về sự sống tạm bợ ngắn ngủi này và luôn lo lắng phập phồng về cái chết. Tại sao nó hủy diệt con người? Tại sao không có một sự sống vĩnh viễn bất tận cho con người? Và khi chết chóc đã là một nỗi lo sợ thì con người tại sao còn thù hằn, chém giết nhau? Bao nhiêu câu hỏi về nhân sinh cứ chất chặt trong đầu óc Nguyễn Du khiến ông không thể không đưa nó vào thế giới nghệ thuật của mình. Nó trở thành một mối bận tâm sâu sắc và hễ lúc nào thuận tiện thì nó bật ra trong thơ. Cho nên những đình, đền, miếu, mộ, gò, đồng... thường phát ra tín hiệu âu lo về cuộc sống nhân sinh và Nguyễn Du là người luôn nhanh nhạy nắm bắt tín hiệu đó, phát sóng đi, lan truyền tới mọi người.

*Vãng sự bi thanh trủng*

(Chuyện cũ bi thương nắm mồ cỏ xanh)

(*Thu chí*)

*Trương vọng Lâm An cựu lăng miếu*

(Buồn trông về lăng miếu cũ ở Lâm An)

(*Nhạc Vũ Mục mộ*)

*Lộ kinh Tam Tấn giai khâu thổ*

(Đường qua Tam Tấn đầy đầy gò đồng)...

(*Dư Nhượng chủy thủ hành*)

Đây là điều khác biệt giữa Nguyễn Du và nhiều nhà thơ khác. Không ai quan tâm quá nhiều đến mồ mả, đình đền, gò đồng như Nguyễn Du. Thời trung đại người ta nhìn cái chết với tầm của con người vũ trụ nên thường xem cái chết nhẹ

tựa lông hồng:

*Chí làm trai dậm nghìn da ngựa  
Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao*

(Chinh phụ ngâm)

Hoặc một cách nói lí tưởng thái quá như trong thời chống Pháp: *Vui về chết như cây xong thừa ruộng* (Trăng trời - Tô Hữu). Nguyễn Du day dứt không nguôi trước cái chết, ông nói nhiều đến tóc bạc tức là ý thức về sự già nua và cũng đồng thời dự cảm về cái chết. Ý thức về thời gian trôi nhanh, con người chưa kịp làm gì, chưa kịp thực hiện ước mơ của mình, cái già đã đến. Cái già đến tất cái chết theo sau. Tiến trình đi đến hủy diệt tan rữa ấy không chậm bước trước một ai. Vua chúa hay thường dân cuối cùng cũng chỉ còn lại một nắm đất. Con người khi ấy thật sự trở về với cát bụi. Như vậy có sự tồn tại của kiếp sau đời người hay không? Kiếp này và kiếp sau có gì liên quan nhau không? Con người chết rồi sẽ đi đâu, về đâu? Tiêu rữa hoàn toàn hay xác thân vùi trong đất, hồn còn lơ lửng vật vờ? Nguyễn Du khao khát mong muốn được ai đó giải đáp. Nhưng làm sao ai có thể giải đáp cho ông. “Thiên cơ bất khả lậu” mà! Hãy nghe lời thơ tha thiết, day dứt, đầy tiếc nuối của ông:

*Mộ niên hành lạc tích du du,  
Ninh tri dị nhật tây lãng hạ,  
Năng ẩm trùng dương nhất trích vô.*

(Cuộc vui chơi lúc tuổi già tiếc chỉ là thoáng chốc,

Sao biết được rằng ngày khác nằm ở dưới gò tây,

Có thể uống được giọt rượu nào trong tiết trùng dương không?)

(Mạn hứng)

Người xưa cũng tiếc thời gian muốn “cầm đuốc chơi đêm” nhưng có lẽ chỉ có Nguyễn Du mới làm cho người đọc tự soi, tự nghiệm về sự hữu hạn của kiếp đời nhân sinh ngắn ngủi tạm bợ này.

### 3. Nhất sinh u tứ vị tăng khai

Mỗi u sầu một đời chưa từng mở ra với ai. Những câu thơ như thế này xuất hiện khá nhiều khiến người đọc thấy nhói lòng:

*Ngã hữu thốn tâm vô dữ ngữ*

(Ta có một tác lòng không thể bày tỏ cùng ai)

(My trung mạn hứng)

*Bách chủng u hoài vị nhất sự*

(Trăm nỗi u buồn chưa một lần được giải thoát)

(Bát muộn)

Ông có tâm sự gì, nỗi buồn gì, tác lòng nào, mối u sầu nào mà ông không thể bày tỏ? Cả lúc lia bỏ cõi đời cũng không thấy ông trút nỗi lòng với ai, chỉ nói “Được, được” rồi ra đi một cách lặng lẽ. Ai có thể biết được: mối u sầu, nỗi buồn, tác lòng kia là những gì? Người đọc chỉ có thể cảm nhận qua những lời chưa thành lời đó là những nỗi niềm được chôn sâu, được giấu kín, không thể chia sẻ cùng ai. Nỗi niềm ấy phải lắng vào, chìm sâu tận trong máu thịt bởi vì nó không thể thoát được ra ngoài. Ông không nói chuyện với bất cứ ai, kể cả với phong cảnh thiên nhiên hoa vàng trúc xanh, trăng thanh gió mát:

*Vô ngôn độc đối đình tiền trúc*

(Riêng mình lẳng lẳng không lời trước cây trúc ngoài sân)

(Kí hữu)

*Thanh phong minh nguyệt dạ vô ngôn*

(Gió mát trăng sáng lặng lẽ không lời trong đêm)

(*Kí Huyền Hư tử*)

Nỗi niềm ở đây không thoát ra cùng cảnh vật, không gửi được vào thiên nhiên, không hòa điệu cùng gió trăng mây nước. Cảnh vật là cảnh vật, nỗi niềm không khỏa lấp trong cảnh vật mà ngược lại cảnh vật càng làm nổi rõ nỗi niềm. Tiếng mưa không gột sạch nỗi lòng, dòng nước không cuốn trôi tâm sự, gió tây không chở nỗi u sầu, ngọn đèn không làm sáng lên tâm hồn u tối... cứ mình với mình, nói chuyện với mình, ngắm bóng mình, đối diện với mình như một khối băng im lặng đáng sợ.

Ông tự biện hộ rằng:

*Giam mặc tàng sinh lão bệnh dư*

(Sau hồi bệnh già, phải sống giấu mình bằng cách giữ im lặng)

(*Tạp thi II*)

Ông nói vậy nhưng có lẽ không phải vậy, trong thơ chữ Hán người ta thường thấy ông ở trong trạng thái một mình:

*Thủy các các hạ giang thủy thâm,*

*Thủy các các thượng nhân trầm ngâm.*

(Dưới thủy các nước sông sâu,

Trên thủy các người trầm ngâm)

(*La Phù giang thủy các độc tọa*)

*Tứ thời yên cảnh độc trầm ngâm*

(Mây khói bốn mùa một mình trầm ngâm)

(*Thu dạ - II*)

*Bồi hồi đối ảnh độc vô ngữ*

(Bồi hồi trước bóng mình một mình

yên lặng)

(*La Phù giang thủy các độc tọa*)

*Trừ trường thân tiêu cô đối ảnh*

(Trong đêm khuya cô tịch buồn rầu một mình đối bóng)

(*Tống nhân*)

*Cô đẳng tương đối đảo thiên minh*

(Ngọn đèn cô đơn đối diện với mình cho đến sáng)

(*Mạc phủ tức sự*)

*Tự ngữ đảo thiên minh*

(Mình nói chuyện với mình cho mãi đến sáng)

(*Quế Lâm công quán*)

Một con người cực kì cô đơn. Giai đoạn hậu kì trung đại dường như có một cảm hứng chung, đó là nỗi cô đơn của con người cá nhân trước thời cuộc. Đến giai đoạn này hầu như con người không còn xuất hiện để sánh ngang vũ trụ, thấu tóm vũ trụ, hòa mình với vũ trụ nữa mà họ đã đi sâu vào những giằng xé nội tâm, những khát khao mong muốn giải thích thế giới. Có khi họ giải bày một cách lặng lẽ như nàng chinh phụ trong Chinh phụ ngâm, như người cung nữ trong Cung oán ngâm, như Cao Bá Nhạ trong Tự tình khúc... hay vẫn dần bước đi tìm một ẩn số nào đó trong cuộc đời như Nguyễn Du. Dù thế nào, tất cả họ đều ở trong trạng thái tột cùng cô đơn.

Đâu phải là Nguyễn Du không có bạn. Nhưng kể cả lúc có bạn cũng không thổ lộ được vì ông từng nói:

*Tự đầu nan đắc thường thanh mục,*

*Lí phát đương tri vị bạch tâm.*

(Họp bạn thường khó gặp được người bạn mắt xanh,

Gỡ tóc nên biết có tấm lòng chưa  
được giải tỏa)

(Phúc Thực Đình)

*Trung tình vô hạn bằng thùy tố,  
Minh nguyệt thanh phong dã bất  
tri.*

(Biết cùng ai bày tỏ niềm cảm xúc  
từ trong đáy lòng,

Trăng thanh gió mát cũng không  
biết được nỗi niềm đó)

(Hoàng Hạc lâu)

Bất cứ ở đâu, dù là ở cố hương Tiên  
Điền hay Thái Bình quê vợ, dù lúc làm  
quan hay trên đường đi sứ, lúc ở nhà  
công hay nhà trạm, nhà thuyền... người  
ta vẫn thường thấy ông ở một mình, đứng  
một mình, ngồi một mình, nằm một  
mình:

*Tây phong ý cô hạm*

(Trước ngọn gió tây, một mình  
đứng dựa lan can)

(Đặng Nhạc Dương lâu)

*Cô chu giang thượng bằng lan xư*

(Đứng dựa lan can chiếc thuyền cô  
đơn trên sông)

(Tương Sơn tự)

*Quan tâm nhất dạ khổ vô thụ*

(Suốt đêm bận lòng khổ tâm không  
ngủ được)

(Thăng Long - I)

*Nhất sàng cô muện địch xuân hàn*

(Trên chiếc giường, nỗi buồn đơn  
côi chọi lại cái rét đêm xuân)

(Ngẫu thư công quán bích)

Phải chăng Nguyễn Du giữ yên  
lặng, ngồi một mình là để có dịp triển  
miên đưa mình vào vùng suy tư, băn  
khoăn về cuộc làm người đầy quyền năng  
nhưng cũng khá vất vả này. Nguyễn Du

yên lặng một mình, lùi ra xa hơn để có  
dịp ngắm mình, tìm mình giữa ba động  
cuộc đời. Dù ông có cách nói khác người,  
khác đời nhưng chính đó là mong muốn  
đạt tới tầm vóc đời sống bao quát hơn và  
tinh túy hơn, vượt lên đời sống bình  
thường mà ai cũng thấy, ai cũng có thể  
hiểu. Đây là tư thế của người sống hết  
tâm của cuộc sống để có thể chạm đến  
những vấn đề cao hơn, sâu hơn của nhân  
loại. Và dẫu rằng Nguyễn Du bất lực  
trước cuộc sống, vô vọng trước những lí  
tưởng cao đẹp, không đi được đến đâu,  
không đưa ra được con đường lí tưởng  
nào nhưng với cách nghĩ của Nguyễn Du,  
ông đã chỉ ra cho chúng ta bao miền phải  
đi đến, bao nơi phải khám phá trong cuộc  
đời này. Giống như thân phận cô Kiều,  
kết thúc tác phẩm cũng là kết thúc cuộc  
sống tốt đẹp có thể có của nàng. Kiều đã  
từ chối hạnh phúc cùng Kim Trọng, giữ  
cho mình chút trinh còn lại để trọng  
nhau, cũng là để giữ vẹn tình yêu đẹp của  
buổi đầu không bị vết chân của thời gian  
15 năm nhuốm bẩn. Cuối tác phẩm,  
Nguyễn Du không cho nàng đi đến hạnh  
phúc nhưng chính con người nàng, nhân  
cách nàng đã chỉ ra hạnh phúc cho bao  
người. Chẳng phải đó là một cách dẫn  
mình đi vào cuộc hành trình tìm chính  
con người mình một cách dài lâu và khắc  
khoải đó sao? Thơ chữ Hán ở một tầm  
cao hơn, thể hiện rõ hơn hành trình nhọc  
nhằn và khắc khoải đó.

Nói tóm lại sáng tác của Nguyễn  
Du - nhất là thơ chữ Hán - đã cho chúng  
ta thấy rõ hình ảnh con người ông. Đó là  
con người đi giữa cuộc đời cảm thấy cái  
gì cũng tạm bợ, dở dang, lờ lờ, bế tắc,

chân bước đi mà lòng cứ ngập ngừng, muốn dẫn thân lại cứ quay đầu về chốn cũ, muốn làm việc lớn, cái nhỏ nhất đời thường cứ níu lấy. Tự mình cảm thấy như bị bỏ rơi, bị đày ải, bị lãng quên... sinh ra chán chường, âu lo, tuyệt vọng. Phải chăng đó là tâm lí của những kẻ ý thức rõ mình hữu hạn nhưng không thôi khao khát vươn tới sự vô hạn của cuộc đời tươi đẹp vĩnh viễn rồi lại chán chường tuyệt vọng mỗi khi không đạt được mục đích. Hình ảnh con người lang thang dưới bóng trăng tàn mờ nhạt, gió lạnh dòn cả vào một người: *Cổ mạch hàn phong cộng*

*nhất nhân* (Trên lối cũ, gió lạnh dòn cả vào một người) (*Dạ hành*) và cái bóng cô đơn in lên bãi cát lúc chiều tà: *Bình sa nhân ảnh tại tà dương* (Bóng người lúc chiều tà in trên bãi cát) (*Giang đầu tản bộ - II*) là hình ảnh đậm nét nhất khắc họa một chân dung đi tìm mình trên hành trình với nhiều sắc màu tâm trạng: âu lo, khổ hạnh, thất vọng, đơn độc. Đây là cuộc hành trình đầy vất vả, dài lâu và khắc khoải. Hình ảnh con người trong cuộc hành trình này mãi hằn sâu trong kí ức người đọc Nguyễn Du.

<sup>1</sup> Mai Quốc Liên phiên âm, dịch nghĩa, chú thích, *Nguyễn Du toàn tập*, Tập 2, Nxb Văn học - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 1996, Các trích dẫn thơ chữ Hán Nguyễn Du đều theo sách này.

<sup>2</sup> Lê Thu Yến (1996), *Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Thanh niên.

<sup>3</sup> Vương Trí Nhân, *Nguyễn Du như một thi sĩ*. Theo <http://vuongdangbi.blogspot.com/2009/07/nguyen-du-nhu-mot-thi-si.html>

<sup>4</sup> Thanh Lăng (1971), “Nguyễn Du như là một huyền thoại”, *Nghiên cứu văn học* (Sài Gòn), các số 4, 5, 6.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Đức Dục (1984), “Tuyên ngôn sáng tác của Nguyễn Du”, *Tạp chí Văn học*, (2).
2. Thanh Lăng (1971), “Nguyễn Du như là một huyền thoại”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (4,5,6).
3. Mai Quốc Liên (phiên âm, dịch nghĩa, chú thích) (1996), *Nguyễn Du toàn tập* (tập 2), Nxb Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
4. Vương Trí Nhân (2009), “Nguyễn Du như một thi sĩ”, Theo <http://vuongdangbi.blogspot.com/2009/07/nguyen-du-nhu-mot-thi-si.html>
5. Lê Thu Yến (1999), *Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Thanh niên.
6. Lê Thu Yến (2001), *Nguyễn Du và Truyện Kiều trong cảm hứng thơ người đời sau*, Nxb Giáo dục.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-6-2015; ngày phản biện đánh giá: 11-7-2015;  
ngày chấp nhận đăng: 22-7-2015)